TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU ĐỨC** **TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU** Bản án số: 29/2024/HNGĐ-ST Ngày: 20-5-2024 "V/v Tranh chấp Ly hôn"	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU ĐỨC, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Nga.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Hoa.
2. Ông Bùi Huy Xuân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Hiệp - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Minh Nguyệt - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 472/2023/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 11 năm 2023 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Châu Đức giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Lê Viết L, sinh năm 1968.

Địa chỉ: Tổ A, thôn B, xã C, huyện D, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Tổ A, thôn B, xã C, huyện D, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

(Ông L, bà X vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và quá trình giải quyết tại Tòa án, nguyên đơn ông Lê Viết L trình bày: Sau khi tìm hiểu nhau được khoảng 01 năm, ông L và bà Nguyễn Thị X mới đi đến hôn nhân. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, vì hoàn cảnh kinh tế quá khó khăn nên không có tổ chức lễ cưới, chỉ làm bữa cơm ra mắt ra gia đình vào năm 1991. Đến ngày 08-12-2006, mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã B, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2018 mới phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân, trong quá trình

chung sống vợ chồng có 04 người con chung nhưng có 03 người con sau khi sinh ra đều bị bịnh rồi chết chỉ còn lại 01 người con đầu, từ đó giữa vợ chồng thường xuyên cãi vã nên mâu thuẫn ngày càng lớn, tình cảm dần dần không còn. Mỗi lần vợ chồng cãi vãm xong, bà X bỏ nhà đi mặc dù ông L đã nhiều lần khuyên can. Từ năm 2019, bà X đến nhà anh của bà X để sinh sống cho đến tháng 02/2024, bà X mới quay về sống tại nhà chung của vợ chồng cũng gần căn nhà ông L đang sống vì vợ chồng ông có 02 căn nhà ở gần nhau. Trong thời gian này, ông L cũng đã nhiều lần tìm đến để hàn gắn tình cảm nhưng bà X không có thiện chí, không cho ông cơ hội. Nay, ông L yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về hôn nhân: Ông L xin được ly hôn với bà X.

Về con chung: Có 01 người con chung Lê Phi H, sinh năm 1991 hiện đã đủ 18 tuổi, không bị mất năng lực hành vi dân sự, hạn chế năng lực hành vi dân sự và đã lập gia đình nên ông L không có ý kiến.

Về chia tài sản chung, nợ chung: Ông L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết tại Tòa án, bị đơn bà Nguyễn Thị X, trình bày: Sau khi tìm hiểu nhau được khoảng 01 năm, bà X và ông Lê Viết L mới đi đến hôn nhân. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, vì hoàn cảnh kinh tế quá khó khăn nên không có tổ chức lễ cưới chỉ làm bữa cơm ra mắt ra gia đình vào năm 1991. Đến ngày 08-12-2006 mới đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Sau khi kết hôn, vợ chồng chỉ sống hạnh phúc đến khi bà X sinh người con thứ hai vào năm 1993 đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân, bà X là người có đạo Công giáo nên khi kết hôn ông L phải theo đạo của bà X. Tuy nhiên, sau khi kết hôn, ông L lại đề nghị bán nhà tại xã B, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu để về sống tại thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An là quê hương của ông L nhưng bà X không đồng ý. Từ đó, vợ chồng thường xuyên cãi vã, ông L thường uống rượu say rồi về gây gổ, đánh bà X rất nhiều lần. Do cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc, ông L thường hay đánh đập nên bà X có bỏ nhà đến anh chị ruột gần đó để sống, được một thời gian rồi quay về nhưng cuộc sống vợ chồng vẫn không hạnh phúc nên bà quyết định ly thân. Đến khoảng tháng 10-2023, bà X mới quay về sống cùng người con trai đầu (Lê Phi H) còn ông L sống tại căn nhà khác của vợ chồng cũng ở gần đó. Trong thời gian này, ông L có tìm tới nhưng chỉ chửi bới, không có hàn gắn tình cảm. Bà X xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nhưng vì là người có đạo Công giáo nên bà không được ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Vợ chồng bà có 04 người con chung nhưng chỉ có người con đầu Lê Phi H, sinh năm 1991 là sức khỏe bình thường còn 03 người con sau đều chết vì bệnh tật. Hiện người con chung này đã trưởng thành, lập gia đình nên bà X không có ý kiến.

Về chia tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

Về nuôi con chung: Hiện con chung của ông L và bà X là Lê Phi Hoài, sinh năm 1991 đã đủ 18 tuổi không bị mất năng lực hành vi dân sự nên không xem xét, giải quyết.

Về chia tài sản chung, nợ chung: Ông L, bà X không yêu cầu nên không giải quyết.

Về án phí: Ông L phải nộp án phí dân sự sơ thẩm (DSST) đối với yêu cầu ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Ông L và bà X sống chung với nhau có đăng ký kết hôn nay ông L yêu cầu ly hôn nên đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Nơi cư trú của bà X là xã B, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu nên Tòa án nhân dân huyện Châu Đức thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông L, bà X vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Về hôn nhân: Hôn nhân giữa ông L và bà X trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức lễ cưới vào năm 1991, đăng ký kết hôn ngày 08 tháng 12 năm 2006 tại UBND xã B, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Theo ông L, sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018 mới phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn, do vợ chồng có 04 người con chung, tuy nhiên chỉ có 01 người con đầu khỏe mạnh còn 03 người con còn lại sau khi sinh ra đều bị bịnh rồi chết nhưng giữa vợ chồng lại không có sự thông cảm, chia sẽ sự mất mát này mà thường xuyên cãi vã nên dần dần tình cảm vợ chồng không còn. Còn theo bà X, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khi bà X sinh người con thứ hai (năm 1993) đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân, ông L muốn gia đình trở về quê của ông L tại thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An để sinh sống nhưng bà X không đồng ý nên từ đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn.

Trong quá trình thụ lý giải quyết, Tòa án đã tiến hành hòa giải về quan hệ hôn nhân nhưng ông L vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn. Bà X xác nhận mâu thuẫn giữa vợ chồng có thật, tình cảm vợ chồng không còn và hiện tại vợ chồng cũng không sống chung, giữa hai bên cũng không có giải pháp để hàn gắn tình cảm. Tuy nhiên, bà X không đồng ý thuận tình ly hôn vì bà X là người có đạo Công giáo, đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn theo quy định của pháp luật.

Như vậy, tình trạng hôn nhân giữa ông L và bà X ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình xử cho ông L được ly hôn với bà X.

[2.2]. Về nuôi con chung: Ông L và bà X có 01 người con chung Lê Phi H, sinh năm 1991. Hiện người con chung đã đủ 18 tuổi, không bị mất năng lực hành vi dân sự, hạn chế năng lực hành vi dân sự nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[2.3]. Về chia tài sản chung, nợ chung: Ông L, bà X không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[2.4]. Về án phí: Ông L phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí DSST đối với yêu cầu ly hôn.

[3]. Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức tại phiên tòa về thủ tục tố tụng và quan điểm giải quyết vụ án là có cơ sở.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa ông Lê Viết L và bà Nguyễn Thị X.

2. Về nuôi con chung: Ông L và bà X có 01 người con chung Lê Phi H, sinh năm 1991.

Hiện người con chung đã đủ 18 tuổi, không bị mất năng lực hành vi dân sự, hạn chế năng lực hành vi dân sự nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

3. Về chia tài sản chung, nợ chung: Ông L, bà X không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Ông Lê Viết L phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí DSST đối với yêu cầu ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Đức theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001664 ngày 30 tháng 11 năm 2023; ông Lê Viết L đã nộp xong án phí DSST.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh BR-VT**;**
-VKSND H.Châu Đức;
-Chi cục THADS H.Châu Đức;
-UBND xã B;
-Các đương sự;
-Lưu HS.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Lê Thị Thanh Nga